TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG THỔ** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST Ngày 21 tháng 7 năm 2023 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Triệu Trung Tá.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Chiên, ông Lý Quang Minh.

- Thư ký phiên toà: Bà Lù Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Đào Mạnh Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 76/2023/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 5 năm 2023, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị L X T, sinh năm: 19... Vắng mặt.

Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Bị đơn: Anh P V N, sinh năm: 19... Vắng mặt.

Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Hiện đang cai nghiện tại Trung tâm cai nghiện bắt buộc tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị L X T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh N đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 31/8/2015 tại UBND xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N nghiện ma túy, chị T có khuyên bảo nhiều lần nhưng anh N không từ bỏ được mà ngày càng nghiện nặng hơn, mục đích hôn nhân giữa anh chị không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Hiện nay chị không còn tình cảm với anh N nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị và anh N.

Về con chung: Chị T và anh N có 01 con chung, tên là P M Đ, sinh ngày 02/01/2016. Hiện tại cháu ở cùng ông bà nội, chị T đi làm xa gửi tiền về cho ông bà nội nuôi cháu ăn học. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm

sóc, giáo dục cháu Đ cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh N không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh P V N trình bày: Việc anh và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng như lời khai của chị T. Từ khi chung sống với nhau anh chị chung sống hạnh phúc, nhưng không biết lý do tại sao chị T lại muốn ly hôn với anh, anh nghĩ là do anh nghiện ma túy. Nếu chị T nhất quyết ly hôn, anh đề nghị giải quyết theo pháp luật. Đối với con chung, nếu ly hôn anh nhất trí để cháu Đ cho chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung anh nhất trí như ý kiến của chị T. Ngoài ra, anh N không có yêu cầu gì khác.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đã đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay cả nguyên đơn và bị đơn vắng mặt đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận đơn khởi kiện của chị L X T, xử: Về quan hệ hôn nhân: Chị L X T được ly hôn với anh P V N. Về con chung: Giao cháu P M Đ cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí giải quyết vụ án dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào diễn biến phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị L X T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị và anh P V N. Chị T và anh N đều cư trú tại huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, hiện tại anh N đang cai nghiện tại Trung tâm cai nghiện bắt buộc tỉnh Lai Châu, nhưng anh cũng nhất trí để Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ giải quyết vụ án nên đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố, vụ án được xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T và anh N là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị T phát hiện ra anh N nghiện ma túy, chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh N vẫn không thay đổi. Từ đó tình cảm vợ chồng không còn, giữa anh chị không còn yêu thương nhau, không có sự quan tâm, chia sẻ, chăm sóc cho nhau. Xét thấy, mâu thuẫn giữa hai anh chị đã là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, giải quyết cho chị L X T được ly hôn với anh P V N theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị T và anh N có 01 con chung, tên là P M Đ, sinh ngày 02/01/2016. Hiện tại cháu đang ở cùng ông bà nội và mẹ là người đi làm xa chu cấp tiền để ông nội nuôi cháu. Nguyện vọng của cháu là muốn được ở cùng mẹ và ông bà nội. Nên để đảm bảo các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Đ cho chị T là người trực tiếp nuôi cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh N không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vấn đề khác: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đưa vụ án ra xét xử, vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị L X T được ly hôn với anh P V N.

Về con chung: Giao cháu P M Đ, sinh ngày 02/01/2016 cho chị L X T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản: Chị T và anh N không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Tphải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0001279 ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- THADS huyện Phong Thổ;
- UBND xã B;
- Đương sự;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Trung Tá

Hội thẩm nhân dân	**Hội thẩm nhân dân**	**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
Lò Văn Chiên	**Lý Quang Minh**	**Triệu Trung Tá**